TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 165/2019/ DS-ST
Ngày 13 - 9 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng

-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Ông Phạm Thành Được – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/ 2019/ TLST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2019/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Ngọc T là chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm: 1979 (Theo giấy ủy quyền ngày 10/5/2019).

Địa chỉ: Số 27/2A, khu phố 10, thị trấn Ô, huyện Ô, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Dương Ngọc P, sinh năm: 1956(vắng mặt)

Địa chỉ: Số 9C/1, ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T (có chị Nguyễn Thị Hồng N làm đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Vào ngày 22/3/2017 chị T có cho bà Dương Ngọc P mượn số tiền 15.000.000 đồng, không lãi suất, bà hứa trong vòng 12 tháng sẽ trả, ngày bắt đầu trả là này 22/5/2017, bà trả được 02 tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Đến tháng 8/2017 thì ngưng không trả nữa. Bà P còn thiếu số tiền gốc là 13.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/5/2019 là 21 tháng với lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc 13.000.000 đồng x 1%/tháng x 21 tháng = 2.730.000 đồng thể hiện qua giấy nhận nợ ngày 22/3/2017

Đến ngày 20/6/2017 bà P tiếp tục hỏi mượn chị T số tiền 47.500.000 đồng, thể hiện qua 02 lần vay tiền, lần đầu vay số tiền 20.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng năm nào, không tính lãi vì khi vay bà nói trong vòng 07 ngày trả lại, sau đó 03 ngày bà vay tiếp 30.000.000 đồng, nhưng không đủ tiền chị T chỉ đưa 27.500.000 đồng, có viết biên nhận.

Sau 07 ngày chị có liên hệ với bà P, bà P nói từ từ trả nhưng vẫn không trả và cố tình né tránh không gặp chị T.

Do bà P không thực hiện đúng như cam kết nên vào ngày 20/6/2017 bà P kết nợ 02 biên nhận thành 01 giấy mượn tiền là 47.500.000 đồng, biên nhận củ đã đưa lại cho bà P, bà P hứa khi hốt hụi sẽ trả, trong thời gian chờ hốt hụi mỗi tháng bà P có trả 2.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Từ đó đến nay chị T không liên lạc được với bà P.

Bà P còn nợ tiền gốc là 41.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/5/2019 là 22 tháng với lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc 41.500.000 đồng x 1%/tháng x 22 tháng = 9.130.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải cuối cùng ngày 15/7/2019 nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P trả số tiền gốc 41.500.000 đồng (Theo giấy mượn nợ ngày 20/6/2017) và tính lãi suất 0.75%/tháng, tính từ ngày 20/10/2017 đến ngày 15/7/2019. Cụ thể: 41.500.000 đồng x 0.75%/tháng x 565 ngày = 5.861.875 đồng và tiếp tục tính tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử.

-Bị đơn bà Dương Ngọc P: Vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng không có bản khai ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án có ra thông báo yêu cầu bà P cung cấp các tài liệu chứng cứ có liên quan đến yêu cầu khởi kiện nhưng bà P không cung cấp.

-Ý kiến của chị N tại phiên tòa: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P trả số tiền gốc còn nợ là 41.500.000 đồng (Theo giấy mượn nợ ngày 20/6/2017) và tính lãi từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/8/2019 là 23 tháng x 0.75%/tháng = 7.159.000 đồng. Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu bà P trả số tiền gốc còn nợ là 13.000.000 đồng (Theo giấy nhận nợ ngày 23/3/2017) và tiền lãi là 2.730.000 đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T buộc bị đơn Dương Ngọc P có nghĩa vụ trả ra khoản tiền nợ gốc 41.500.000 đồng và 7.159.000 đồng tiền lãi.

Đình chỉ giải quyết đối với biên nhận ngày 22/3/2017 với số tiền gốc là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.730.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn Dương Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.433.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Dương Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bà P trả số tiền 41.500.000 đồng và tính lãi suất 0.75%/tháng từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/8/2019: 41.500.000 đồng x 0.75%/tháng x 23 tháng = 7.159.000 đồng (Theo giấy mượn nợ ngày 20/7/2017). Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền gốc còn nợ 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.730.000 đồng (Theo giấy nhận nợ ngày 22/3/2017). Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà P trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ 13.000.000 đồng và tiền lãi 2.730.000 đồng (Theo giấy nhận nợ ngày 22/3/2017).

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn là bà Dương Ngọc P trả cho chị số tiền nợ gốc là 41.500.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 20/6/2017 bà P có mượn của chị T số tiền 47.500.000 đồng. Chị T cung cấp được giấy mượn nợ đề ngày 20/6/2017 có chữ ký của bà P. Tòa án có ra thông báo yêu cầu bà P cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan đến yêu cầu khởi

kiện của chị T nhưng bà P không cung cấp, xem như giấy mượn nợ của chị T cung cấp là đúng.

Xét thấy giấy mượn nợ ngày 20/6/2017, không thể hiện thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất. Vì vậy đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Chị T đã nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P không trả.

Theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm *2015 " Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào…."*

Chị T thừa nhận bà P có trả cho chị được 6.000.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại bà P còn nợ chị số tiền gốc 41.500.000 đồng. Do đó việc chị T yêu cầu bà P trả cho chị số tiền nợ gốc 41.500.000 đồng là có căn cứ.

[4]. Xét việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 0.75%/tháng từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/8/2019 là 23 tháng, trên số nợ gốc 41.500.000 đồng = 7.159.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự *" Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả…"*

Xét thấy ngày chị T yêu cầu bà P trả nợ và được Tòa án thụ lý hồ sơ là ngày 27/5/2019 và nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 20/8/2019. Vì vậy tiền lãi được tính như sau: 41.500.000 đồng x 0.83%/tháng x 02 tháng 23 ngày (từ ngày 27/5/2019 đến ngày 20/8/2019) = 952.978 đồng.

Việc chị T yêu cầu bà P trả cho chị số tiền lãi là 7.159.000 đồng là chưa có căn cứ để chấp nhận toàn bộ mà chỉ chấp nhận một phần là buộc bà P trả cho chị số tiền lãi chậm trả là 952.978 đồng.

Tư những nhận định trên buộc bà P có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền gốc là 41.500.000 đồng và tiền lãi là 952.978 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 42.452.978 đồng.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Cụ thể được tính như sau: 42.452.978 đồng x 5% = 2.122.648 đồng. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận. Cụ thể được tính như sau: (7.159.000 đồng – 952.978 đồng) x 5% = 310.301 đồng.

[6]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận toàn bộ mà chỉ chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc T về việc yêu cầu bà Dương Ngọc P trả cho chị số tiền gốc còn nợ là 13.000.000 đồng và tiền lãi là 2.730.000 đồng (Theo giấy nhận nợ ngày 22/3/2017).

2. Buộc bị đơn bà Dương Ngọc P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Ngọc T số tiền gốc còn nợ là 41.500.000 đồng và 952.978 đồng tiền lãi (Theo giấy mượn nợ ngày 20/6/2017). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 42.452.978 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi hai ngàn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Ngọc T nộp 310.301đồng (Ba trăm mười ngàn, ba trăm lẻ một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp tạm ứng 1.659.000 đồng vào ngày 27/5/2019 theo lai thu số 0002430 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị Ngọc T 1.348.699 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn, sáu trăm chín mươi chín đồng). Buộc bà Dương Ngọc P nộp 2.122.648 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi hai ngàn, sáu trăm bốn mươi tám đồng).

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt đước quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng